

Số: **01** -QĐ/ĐĐ

Hà Tĩnh, ngày **22** tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Quy chế làm việc của Đảng đoàn**  
**Liên đoàn Lao động tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2023-2028**

**ĐẢNG ĐOÀN LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HÀ TĨNH**

Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam; Quy định 24-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII) quy định thi hành Điều lệ Đảng;

Căn cứ Quy chế làm việc số 05-QC/TU, ngày 30/10/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Căn cứ Quy định 11-QĐ/TU ngày 20/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; Quyết định số 718-QĐ/TU, ngày 06/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chỉ định Đảng đoàn Liên đoàn Lao động tỉnh nhiệm kỳ 2023-2028;

Căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn Hà Tĩnh,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế làm việc của Đảng đoàn Liên đoàn Lao động tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2023-2028.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Ủy viên Đảng đoàn, Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh, Đảng ủy Liên đoàn Lao động tỉnh; các Ban Liên đoàn Lao động tỉnh và Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy; (để B/c)
- Lưu: Đảng đoàn.

**TM. ĐẢNG ĐOÀN**  
**BÍ THƯ**  
  
**Nguyễn Văn Danh**





## **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

### **QUY CHẾ LÀM VIỆC**

**Đảng đoàn Liên đoàn Lao động tỉnh Hà Tĩnh,**

**Khóa XIX, nhiệm kỳ 2023 – 2028**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01-QĐ/ĐĐ ngày 22/11/2023  
của Đảng đoàn Liên đoàn Lao động tỉnh Hà Tĩnh)*

#### **Chương I**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh**

Quy chế này quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, cơ cấu tổ chức, nguyên tắc, chế độ làm việc, mối quan hệ công tác của Đảng đoàn Liên đoàn Lao động tỉnh Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là Đảng đoàn).

Quy chế này áp dụng đối với tập thể Đảng đoàn, các Ủy viên Đảng đoàn, các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi lãnh đạo của Đảng đoàn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có quan hệ công tác với Đảng đoàn LĐLĐ tỉnh.

#### **Chương II**

#### **CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN**

##### **Điều 2. Vị trí, chức năng**

1. Đảng đoàn Liên đoàn Lao động tỉnh là tổ chức Đảng do Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập, chỉ định gồm Bí thư và các Ủy viên Đảng đoàn; chịu sự lãnh đạo toàn diện của Tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

2. Đảng đoàn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc và các quan hệ công tác theo quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước và Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

##### **Điều 3. Nhiệm vụ**

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công đoàn các cấp mà trực tiếp là Ban Thường vụ, Ban Chấp hành LĐLĐ tỉnh thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của tổ chức công đoàn và nhiệm vụ chính trị của tỉnh; cụ thể thành các chương trình, kế hoạch, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ để triển khai trong hệ thống Công đoàn Hà Tĩnh.

2. Đề xuất, kiến nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy về những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Quyết định những vấn đề về tổ chức, cán bộ theo phân công, phân cấp quản lý thuộc thẩm quyền.



4. Lãnh đạo Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh xây dựng, tổ chức thực hiện công tác, kiểm tra giám sát của tổ chức công đoàn.

5. Phối hợp với Đảng uỷ cơ quan LĐLĐ tỉnh để thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao; xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

#### **Điều 4. Quyền hạn**

1. Đảng đoàn thảo luận, ban hành nghị quyết, quyết định và các hình thức văn bản khác để thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 1 và chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh uỷ về các quyết định của mình.

2. Đảng đoàn được sử dụng bộ máy giúp việc chuyên môn của Cơ quan Liên đoàn Lao động tỉnh để tham mưu thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

3. Được cử đại diện Đảng đoàn tham dự các cuộc họp do Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh uỷ triệu tập.

4. Đảng đoàn được yêu cầu các Ban chuyên môn, bộ phận trực thuộc có trách nhiệm cung cấp thông tin, các văn bản liên quan đến việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

### **Chương III**

#### **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC ỦY VIÊN ĐẢNG ĐOÀN**

##### **Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy viên**

1. Có trách nhiệm thực hiện các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Đảng đoàn; phụ trách và chịu trách nhiệm trước Đảng đoàn về các lĩnh vực công tác được phân công, ủy quyền; chủ trì phiên họp và ký các văn bản của Đảng đoàn khi được Bí thư Đảng đoàn ủy quyền.

2. Đề xuất ý kiến để đưa ra thảo luận trong Đảng đoàn; tổ chức và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, kết luận của Đảng đoàn; báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực được phân công.

3. Tham gia đầy đủ các kỳ sinh hoạt và đóng góp ý kiến xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch; chấp hành sự phân công và tuân thủ nguyên tắc, chế độ làm việc của Đảng đoàn.

4. Được cung cấp thông tin, thảo luận, biểu quyết trong các cuộc họp của Đảng đoàn.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công và ủy quyền.

##### **Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bí thư Đảng đoàn**

Là người đứng đầu Đảng đoàn; chỉ đạo chung, chịu trách nhiệm chính trước Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thường trực Tỉnh uỷ và Đảng đoàn về hoạt động của Đảng đoàn.

1. Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của Ủy viên Đảng đoàn và những nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thường trực Tỉnh uỷ.



2. Chịu trách nhiệm chỉ đạo, phụ trách bảo vệ chính trị nội bộ, tổ chức, cán bộ, tài chính, tài sản trong hệ thống Công đoàn toàn tỉnh; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Đảng đoàn.

3. Triệu tập, chủ trì, quyết định nội dung, chương trình và kết luận các cuộc họp, sinh hoạt của Đảng đoàn.

4. Thay mặt Đảng đoàn ký các văn bản của Đảng đoàn hoặc ủy quyền cho một Ủy viên Đảng đoàn ký một số văn bản của Đảng đoàn.

5. Sau mỗi kỳ họp Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Bí thư Đảng đoàn có trách nhiệm thông tin cho các đồng chí Ủy viên Đảng đoàn về kết quả kỳ họp Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và những định hướng hoạt động công đoàn theo chỉ đạo của Tỉnh ủy.

#### **Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của ủy viên là Trưởng ban Tổ chức**

Ủy viên đảng đoàn là Trưởng ban Tổ chức, ngoài việc thực hiện trách nhiệm, quyền hạn theo quy định tại Điều 5 Quy chế này, còn thực hiện nhiệm vụ sau:

1. Có trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho Đảng đoàn chuẩn bị các nội dung về công tác tổ chức, cán bộ; chuẩn bị nội dung tài liệu liên quan; thực hiện lưu trữ hồ sơ, văn bản của Đảng đoàn.

2. Tham mưu xây dựng kế hoạch, kết luận, thông báo để triển khai các chủ trương của Đảng đoàn.

### **Chương IV**

## **CƠ CẤU TỔ CHỨC, NGUYÊN TẮC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC**

#### **Điều 8. Cơ cấu tổ chức và hoạt động**

1. Thành viên Đảng đoàn gồm 5 đồng chí: đồng chí Chủ tịch là Bí thư Đảng đoàn; 03 đồng chí Phó Chủ tịch và 01 đồng chí Trưởng Ban Tổ chức.

Nhiệm kỳ của Đảng đoàn được tính theo nhiệm kỳ đại hội của Công đoàn tỉnh. Trong nhiệm kỳ, khi khuyết Ủy viên Đảng đoàn, Đảng đoàn đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định chỉ định bổ sung theo quy định của Điều lệ Đảng và quy định phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Đảng đoàn có con dấu và sử dụng theo quy định.

3. Đảng đoàn phân công đồng chí Chánh Văn phòng LĐLĐ tỉnh dự họp, giúp việc ghi chép nội dung các cuộc họp của Đảng đoàn và thực hiện một số nhiệm vụ khác khi được giao.

#### **Điều 9. Nguyên tắc làm việc**

1. Đảng đoàn hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số và chịu trách nhiệm tập thể việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Đảng đoàn trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy; các Ủy viên Đảng đoàn chịu trách nhiệm trước Đảng đoàn về nhiệm vụ, quyền hạn được phân công. Đối với những chủ trương công tác, vấn đề quan trọng cần xin ý kiến của Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc khi các thành viên Đảng đoàn có ý kiến khác nhau, nếu



thảo luận không thống nhất biểu quyết không đạt trên 50% thì báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau đó với của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy.

2. Quan hệ phối hợp công tác giữa Đảng đoàn với các cơ quan, tổ chức liên quan phải bảo đảm sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Đảng, đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phù hợp với nguyên tắc tổ chức, hoạt động và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan, tổ chức. Bảo đảm kịp thời, chặt chẽ, hiệu quả trên cơ sở hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi để mỗi cơ quan, tổ chức hoàn thành tốt nhiệm vụ.

#### **Điều 10. Chế độ làm việc**

1. Đảng đoàn họp định kỳ 01 tháng một lần, họp đột xuất khi cần thiết. Các cuộc họp Đảng đoàn phải có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Các văn bản của cuộc họp được gửi trước đến các thành viên tham dự. Nội dung các cuộc họp phải được ghi biên bản, có kết luận hoặc nghị quyết để thực hiện. Trường hợp cần thiết và đột xuất không tổ chức họp thì lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, nếu quá thời gian quy định mà không trả lời được xem là đồng ý.

2. Người đứng đầu và các thành viên của Đảng đoàn được phân công phụ trách lĩnh vực có trách nhiệm chuẩn bị nội dung về những vấn đề có liên quan để đưa ra thảo luận trong hội nghị Đảng đoàn.

3. Căn cứ nội dung cuộc họp, Đảng đoàn có thể mời đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan tham dự. Đối với các cuộc họp có nội dung quan trọng về công tác xây dựng Đảng, nhất là về công tác tổ chức, cán bộ thì mời đại diện các ban Đảng Tỉnh ủy có liên quan tham dự.

4. Định kỳ hàng năm hoặc khi có yêu cầu, Đảng đoàn báo cáo tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác tổ chức cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Đảng đoàn; đồng thời kiến nghị, đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy theo quy định. Trong trường hợp cần thiết đồng chí Bí thư Đảng đoàn báo cáo trực tiếp với Thường trực Tỉnh ủy.

### **Chương V QUAN HỆ CÔNG TÁC**

#### **Điều 11. Quan hệ với Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam**

Đảng đoàn chịu trách nhiệm trước Đảng đoàn Tổng LĐLĐ Việt Nam về việc phổ biến, triển khai, tổng kết, đánh giá việc thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đến đoàn viên, CNVCLĐ toàn tỉnh; báo cáo, xin ý kiến thống nhất về công tác tổ chức, cán bộ của tổ chức Công đoàn theo phân cấp quản lý cán bộ.

#### **Điều 12. Quan hệ với Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy**

Đảng đoàn chịu sự lãnh đạo toàn diện của Tỉnh ủy, trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy; thường xuyên báo cáo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Đảng đoàn; tham mưu, xin ý kiến chỉ đạo về phương



hướng, nhiệm vụ hoạt động và các vấn đề quan trọng khác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đảng đoàn.

**Điều 13. Quan hệ với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy**

1. Phối hợp với cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy nhằm thực hiện công tác tổ chức, cán bộ theo quy định về phân cấp quản lý.

2. Chịu sự hướng dẫn về công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức, cán bộ thuộc phạm vi chức trách của từng cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy.

**Điều 14. Quan hệ với các đảng đoàn, ban cán sự đảng và các cơ quan đơn vị cấp tỉnh**

1. Quan hệ với các đảng đoàn, ban cán sự đảng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh là quan hệ phối hợp để thực hiện các nhiệm vụ được giao, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy.

2. Trao đổi trực tiếp với đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo các ngành, đơn vị có tổ chức công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở trước khi quyết định về công tác tổ chức cán bộ theo phân cấp quản lý.

**Điều 15. Quan hệ với các huyện ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc tỉnh**

1. Đề xuất, trao đổi ý kiến để phối hợp lãnh đạo các LĐLĐ huyện, thị xã, thành phố, công đoàn ngành, cấp ủy trực thuộc trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương, ngành.

2. Trao đổi ý kiến với huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh trước khi quyết định công tác tổ chức, cán bộ theo phân cấp quản lý.

**Điều 16. Quan hệ với Ban Chấp hành, Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh**

1. Đảng đoàn thảo luận, lãnh đạo, chỉ đạo thông qua Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực LĐLĐ tỉnh đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị theo đúng đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và thực hiện công tác tổ chức, cán bộ theo phân cấp quản lý. Tạo điều kiện để Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực LĐLĐ tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm được giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

2. Đảng đoàn định hướng để Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực, các ban chuyên môn và công đoàn các cấp trong tỉnh thực hiện đúng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

**Điều 17. Quan hệ với Đảng ủy LĐLĐ tỉnh**

1. Thông qua Ban Chấp hành Đảng ủy LĐLĐ tỉnh, Đảng đoàn lãnh đạo, quán triệt chủ trương, chính sách và triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, nhiệm vụ chính trị của LĐLĐ tỉnh, xây dựng Đảng bộ vững mạnh.

2. Tham khảo ý kiến của Đảng ủy về những vấn đề liên quan đến công tác tổ chức, cán bộ và những vấn đề khác có liên quan để xem xét quyết định.



3. Đảng ủy LĐLĐ tỉnh có trách nhiệm đề xuất, tham gia ý kiến với Đảng đoàn về chương trình công tác trọng tâm, công tác tổ chức và cán bộ trong cơ quan.

4. Định kỳ Đảng đoàn làm việc với Đảng ủy để nắm tình hình tư tưởng, công tác Đảng, công tác quần chúng và tâm tư nguyện vọng của đảng viên, quần chúng trong Đảng bộ.

#### **Điều 18. Quan hệ với các Ban chuyên môn LĐLĐ tỉnh**

1. Đảng đoàn nghe ý kiến đóng góp, đề xuất, kiến nghị của các ban chuyên môn để nghiên cứu và có chủ trương, quyết định phù hợp với thực tế.

2. Các ban chuyên môn có trách nhiệm tham mưu cho Đảng đoàn thông qua Ban Thường vụ về các nội dung, giải pháp hoạt động công đoàn thuộc nhiệm vụ chuyên môn được giao để Đảng đoàn bàn và thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo.

3. Đảng đoàn có thể mời các đồng chí lãnh đạo các ban của LĐLĐ tỉnh tham dự cuộc họp khi bàn các chuyên đề, nội dung liên quan đến ban đó.

#### **Điều 19. Các mối quan hệ khác**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác khác, Đảng đoàn có trách nhiệm nghiên cứu, bổ sung mối quan hệ công tác khác phù hợp với tình hình của cơ quan, đơn vị để thực hiện các quy định có liên quan.

Căn cứ yêu cầu thực tiễn, Đảng đoàn có thể xây dựng Quy chế phối hợp công tác với cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan.

### **Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 20.** Tập thể Đảng đoàn, các đồng chí Ủy viên Đảng đoàn và các tổ chức, cá nhân có liên quan thuộc LĐLĐ tỉnh có nhiệm vụ thực hiện Quy chế này.

**Điều 21.** Quy chế này có hiệu lực từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vấn đề không phù hợp hoặc phát sinh cần kịp thời báo cáo Đảng đoàn để xem xét sửa đổi, bổ sung./.